

Bản án số: 613/2020/HC-PT

Ngày 30- 9- 2020

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 560/2018/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 682/2018/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 780/2020/QĐPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 (vắng mặt)

1.2/ Bà Lưu Thị T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 30/1A N, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Đào Trọng Tuấn, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: 103A đường T, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 16920 ngày 20/8/2016 lập tại Văn phòng công chứng B).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông T, bà T:

Ông Võ Thái H – Luật sư Công ty Luật HD, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ) (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1/ Ủy ban nhân dân quận B.

Địa chỉ: 6A đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B:

Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (có đơn xin xét xử vắng mặt) (Giấy ủy quyền số 85/GUQ-UBND ngày 18/11/2016).

2.2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Địa chỉ: 6A đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B:

Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

(Giấy ủy quyền số 39/GUQ-UBND ngày 28/3/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B:

1/ Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng. (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn D – Nhân viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần đầu tư V.

Địa chỉ: Số 7/1 đường T, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần đầu tư V:

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Trung (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2016 và các đơn khởi kiện bổ sung, các biên bản đối thoại và các lời trình bày tại tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Thị T có đại diện theo ủy quyền ông Đào Trọng Tuấn trình bày:

Nhà, đất tại số 30/1A đường N, Phường 22, quận B có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T tự xây dựng từ tháng 10/1985 trên phần đất do Xí nghiệp nạo vét trục vớt Đường sông 2 cấp năm 1982; Sau đó, ông T chia một phần nhà, đất cho 02 người con là ông Nguyễn Tấn Trung và bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Ngày 06/6/2013, ông T và bà T nhận được Quyết định 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận

B của ông T, bà T (gọi tắt là Quyết định số 5761). Không đồng ý với quyết định trên nên ngày 01/7/2013, ông T và bà T làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Ngày 22/8/2014, ông T và bà T nhận được Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh Điều 1 và Điều 2 tại Quyết định số 5761 (gọi tắt là Quyết định số 5663).

Ngày 09/9/2014, ông T và bà T tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do đã quá thời hiệu giải quyết khiếu nại lần 1 nhưng chưa nhận được văn bản trả lời chính thức của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Ngày 19/12/2014, ông T và bà T nhận được Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 5663 (gọi tắt là Quyết định số 9718).

Ngày 04/02/2015, ông T và bà T nhận được Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của hộ ông T, bà T. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 27/02/2015 ông T và bà T gửi đơn khiếu nại tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/01/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T, bà T, nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông T và bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Đơn khởi kiện, người khởi kiện ông T và bà T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5761, yêu cầu được xem xét tính giá thu hồi tại thời điểm thu hồi đất theo giá thị trường, yêu cầu được bồi thường 100% đối với phần diện tích 21,5 m² bị cho rằng vi phạm lộ giới và yêu cầu được tái định cư tại chỗ.

Ngày 27/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9171/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với nhà, đất tại số 30/1A N, Phường 22, quận B của ông T, bà T (gọi tắt là Quyết định số 9171), theo đó thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 12/11/2016 đến ngày 30/11/2016. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 09/11/2016, người khởi kiện ông T và bà T có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định số 9171. Tiếp sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B liên tục ban hành các Quyết định số 9907/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 và Quyết định số 9864/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9171. Do không đồng ý với các quyết định trên nên ông T và bà T có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định số 9864/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9171 về cưỡng chế thu hồi đất.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại Tòa án, người khởi kiện ông T và bà T có Đơn yêu cầu đo vẽ lại nhà, đất số 30/1A đường N, Phường 22, quận B. Theo Hợp đồng đo đạc số 122/2017/HĐ-TTKĐ ngày 20/3/2017, ngày 17/5/2017 Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn T nguyên Môi trường thuộc Sở T nguyên

và Môi trường có bản vẽ số HĐ: 122/2017/HĐ-TTKĐ, theo đó phần diện tích 21,5 m² không bị vi phạm lộ giới.

Ngày 28/11/2017, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5663 ngày 12/8/2014 và Quyết định số 9718 ngày 18/12/2014 bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất tại căn nhà 30/1A đường N, Phường 22, quận B của ông T và bà T với số tiền là 812.700.000 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 14/12/2017, người khởi kiện có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 5663 (gọi tắt là Quyết định số 9535), cụ thể: Yêu cầu được công nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận B phần diện tích 21,5 m² mà Ủy ban nhân dân quận B cho rằng vi phạm lộ giới đường hiện hữu là đất ở; Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường toàn bộ chi phí đo đạc lại nhà đất bị thu hồi là 20.000.000 đồng và tổn thất về tinh thần trong quá trình thực hiện đo đạc đến thời điểm nhận được Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B là 10.000.000 đồng.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có đại diện theo ủy quyền ông Hồ Phương có ý kiến trình bày tại các Bản tự khai ngày 01/12/2016; ngày 26/12/2017 và ngày 05/01/2018:

- Về nguồn gốc nhà, đất:

Nhà, đất tại địa chỉ số 30/1A đường N, Phường 22, quận B có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T tự xây dựng từ tháng 10/1985 trên phần đất do Xí nghiệp Nạo vét trục vớt Đường sông 2 cấp năm 1982; sau đó, ông T chia một phần nhà, đất cho 02 người con là ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Kim T.

Theo Giấy xác nhận số 28/PXD ngày 02/02/1988 của Phòng xây dựng quận B với nội dung: “...vào thời điểm tháng 10/1985, ông T được cơ quan cho vật tư để xây dựng một căn nhà ở tại khu vực sau dãy nhà 30 căn thuộc khu cư xá của Xí nghiệp, đường N, Phường 22. Vì khu vực này có dự kiến xây dựng cụm kho cho Quận nên việc xin hợp thức hóa xây dựng của ông T không thể giải quyết được..., trước mắt để tạo điều kiện cho đương sự được chuyển hộ khẩu đến nơi ở mới, Phòng xây dựng đồng ý xác nhận căn nhà này đã tự cất của đương sự mang số 30/1 N, Phường 22, quận B”.

Theo Tờ đăng ký nhà, đất năm 1999 do ông T đứng tên kê khai diện tích khuôn viên 156 m², diện tích xây dựng 73,06 m², tự cất nhà để ở trên phần đất do Xí nghiệp Nạo vét Trục vớt Đường sông 2 cấp từ năm 1982.

- Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quá trình giải quyết khiếu nại:

Căn cứ Quyết định số 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi và giao đất cho Công ty Thanh niên Xung phong Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng Khu nhà ở cao tầng lô 13 – 14 (giai đoạn 2), tại Phường 22, quận B.

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UB ngày 02/2/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao phần diện tích đất thu hồi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn nông sản V để thực hiện dự án Lô 13 – 14 (giai đoạn 2), tại Phường 22, quận B;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, (ban hành kèm theo quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố); Phương án số 110/PA-UBND ngày 13/4/2009 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở cao tầng lô 13 – 14 (giai đoạn 2) tại Phường 22, quận B đã được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 15/4/2009;

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường do Công ty TNHH đo đạc xây dựng thương mại H lập ngày 21/12/2011 và Bản đồ hiện trạng vị trí số 113417/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2013, có gắn ranh vị trí khu đất trên T liệu bản đồ 299/TTg để làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông T với diện tích khuôn viên là 122,2 m², trong đó 100,7 m² thuộc thửa 168 loại đất Thổ tập trung và một phần đường (a) diện tích 21,5 m².

Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà 30/1A đường N, Phường 22, quận B của ông T và bà T, cụ thể:

- Về đất: Đối với diện tích 100,7 m² thửa 168 Thổ tập trung được bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở, đối với phần diện tích 21,5 m² lấn đường (a) không được bồi thường, chỉ xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo quy định;

- Về cấu trúc: Đối với diện tích xây dựng 120,1 m² (theo bản vẽ hiện trạng):

- + Phần cấu trúc 73,06 m² (nhà trệt) tự xây dựng từ tháng 10/1985, tính bồi thường bằng 100% đơn giá xây dựng mới theo quy định;

- + Phần cấu trúc 42,46 m², tự sửa chữa xây dựng sau kê khai năm 1999 (vi phạm công bố quy hoạch theo Quyết định số 3009/QĐ-UB ngày 26/11/1992), tính hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới;

- + Phần cấu trúc 4,58 m², theo bản đồ địa chính Phường 22 (năm 2002) thể hiện nhà tạm (t), tự xây dựng sửa chữa lại sau ngày 22/4/2002, nên không bồi thường, không hỗ trợ.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: (5.943.521.600 đồng + 92.603.550 đồng) = 6.036.125.150 đồng.

- Về tái định cư: Hộ ông T, bà T được giải quyết mua 01 (một) căn hộ số B1-10.10, tầng 10, diện tích thiết kế 52,5 m² tại chung cư T, Phường 17, quận B.

Ngày 03/02/2015, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định giải quyết khiếu nại số 546/QĐ-UBND; theo đó không công nhận phần nội dung khiếu nại về việc áp giá bồi thường không phù hợp với thời điểm thu hồi; diện tích bồi thường không đúng thực tế là 122,2 m²; đề nghị được giảm giá căn hộ tái định cư và đề nghị được bồi thường bằng 100% toàn bộ cấu trúc nhà. Công nhận một phần nội dung khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ phần cấu trúc nhà của hộ ông T – bà T, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần cấu trúc căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B. Tuy nhiên, hộ ông T vẫn chưa đồng ý nhận tiền nên ngày 11/5/2016 và ngày 20/5/2016, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B đã mở sổ tiết kiệm cho hộ ông T toàn bộ số tiền bồi thường vào Ngân hàng theo quy định.

Ngày 13/01/2016, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có quyết định giải quyết khiếu nại số 127/QĐ-UBND, theo đó công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết khiếu nại của ông T và bà T.

Trong quá trình thụ lý giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện bổ sung yêu cầu được công nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận B đối với phần diện tích 25,1 m² mà Ủy ban nhân dân quận cho rằng vi phạm lộ giới đường hiện hữu và bồi thường toàn bộ về chi phí đo đạc lại nhà, đất bị thu hồi là 20.000.000 đồng và tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng:

Theo Bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường giải tỏa ngày 21/12/2011 và bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc Bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/10/2013 (do theo yêu cầu của ông T), thì diện tích khuôn viên nhà đất bị giải tỏa là 122,2 m², trong đó 21,5 m² có nguồn gốc thuộc một phần (a) đường theo Tài liệu 299/TTg nên Ủy ban nhân dân quận tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Theo ý kiến của Sở T nguyên và Môi trường Thành phố thống nhất theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Kiểm định và Tư vấn Sở T nguyên và Môi trường phát hành ngày 17/5/2017 (do theo yêu cầu của ông T), diện tích khuôn viên nhà đất bị giải tỏa là 122,1 m² và không có (a) đường.

Ngày 28/11/2017, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9515 về việc bồi thường (bổ sung) đối với phần diện tích đất ở 21,5 m². Như vậy, Ủy ban nhân dân quận B đã bồi thường và công nhận toàn bộ diện tích 122,1 m² của ông T đang sử dụng là đất ở. Ông T yêu cầu có văn bản công nhận phần diện tích 21,5 m² là đất ở là không cần thiết và việc yêu cầu bồi thường về chi phí đo đạc, tiền tổn thất tinh thần là không có cơ sở.

- Về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

Căn cứ Khoản 1 Điều 49 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố) về cưỡng chế thu hồi đất: Ngày 27/10/2016, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9171/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi diện tích 122,2 m² tại số 30/1A đường N, Phường 22, quận B đối với ông T và bà T để thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở cao tầng Lô 13 – 14 (giai đoạn 2) là đúng quy định.

Ngày 14/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9864/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9171, nội dung của quyết định này chỉ điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất nêu tại Điều 1 Quyết định số 9171, các nội dung khác của Quyết định số 9171 được giữ nguyên.

Như vậy, căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư V có bà Phan Thị Thu Thủy đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Quyết định số 5671; Quyết định số 5663; Quyết định số 9718; Quyết định số 8986 của Ủy ban nhân dân quận B. Công ty V đã chuyển đủ số tiền đền bù theo các quyết định nêu trên theo quy định không trừ giá trị thanh toán căn hộ. Toàn bộ số tiền này được gửi vào ngân hàng quỹ tiền mua căn hộ vẫn phát sinh lãi và tăng mức sinh lợi. Mặc dù đã có quyết định được giải quyết tái định cư tại căn hộ B1-10.10, tầng 10 chung cư T, Phường 17, quận B nhưng ông T, bà T vẫn không đồng ý. Công ty và Ban bồi thường quận B nhiều lần tiến hành thỏa thuận, vận động gia đình nhưng ông T, bà T vẫn không đồng ý với phương án đền bù và bày tỏ ý kiến không chấp nhận tái định cư tại căn hộ số B1-10.10 tại chung cư T. Do đó, Công ty buộc phải bán căn hộ B1-10.10 cho người khác để giảm thiểu thiệt hại về kinh tế cho công ty trong lúc chờ đợi sự phản hồi từ ông T, bà T. Nhưng bên cạnh đó, Công ty vẫn đảm bảo cho hộ ông T, bà T được bố trí vào một căn hộ đầy đủ tiện nghi và có giá trị tương tự như căn hộ B1-10.10, tầng 10 chung cư T.

Ngày 27/12/2017, Ủy ban nhân dân quận B đã thực hiện cưỡng chế nhà và đất của hộ ông T, bà T, trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân quận B đã có văn bản bố trí tạm cư và di dời đồ đạc của hộ này vào căn hộ khác thuộc chung cư T nhưng ông T, bà T vẫn không đồng ý chấp thuận. Theo Biên bản làm việc của Tổ công tác trong lúc di dời đồ đạc và con người đến chỗ ở tạm đã ghi nhận lại: Đại diện hộ này có nguyện vọng đưa về căn hộ khác của gia đình và không có nhu cầu chuyển về Chung cư T để tạm cư.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 682/2018/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013;
Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;
Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Thị T về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

1.1 Hủy một phần Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B của ông T, bà T.

1.2. Hủy Quyết định số 9171/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về cưỡng chế thu hồi đất.

1.3. Hủy Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 và Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận B.

1.4. Hủy Quyết định số 9864/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9171/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 về cưỡng chế thu hồi đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B trả lại chi phí đo vẽ là 10.199.000 đồng.

Ủy ban nhân dân quận B có trách nhiệm trả lại cho người khởi kiện ông T và bà T chi phí đo vẽ là 10.199.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần là 10.000.000 đồng..

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 07/6/2018, ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Trọng Tuấn đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện Hủy một phần Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, các quyết định điều chỉnh của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B; Quyết định số 9171/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất, áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất của ông T, bà T với lý do: Ngày 06/6/2013, ông T và bà T nhận được Quyết định 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B nêu trên. Không đồng ý, ông T khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành nhiều quyết định điều chỉnh việc

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông T nhưng vẫn chưa đúng quy định của pháp luật nên ông T không đồng ý bàn giao nhà, đất. Khi các khiếu nại của ông T, bà T vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng thì ngày 27/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9171/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đối với nhà, đất của ông T, bà T và ngày 17/12/2017, Ủy ban nhân dân quận B thực hiện cưỡng chế thu hồi đất nhưng thực tế căn hộ tái định cư đã bán cho người khác là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Do đó, ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định về yêu cầu được áp giá đất theo giá thị trường tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường (năm 2013):

- Xét mục đích thu hồi đất: Ngày 18/6/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2720/2003/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao cho Công ty Thanh niên Xung Phong diện tích 13.070m² tại Phường 22, quận B để đầu tư xây dựng Khu nhà ở cao tầng lô 13-14 (giai đoạn 2), trong đó có phần diện tích nhà, đất của hộ ông T và bà T. Tại thời điểm này Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định phần đất trên bị thu hồi để tiến hành xây dựng công trình, thực hiện dự án chỉnh trang đô thị do Công ty Thanh niên Xung Phong đại diện Nhà nước là chủ thể bồi thường, hỗ trợ theo quy định là đúng. Sau khi thay đổi chủ đầu tư khu đất trên thì Công ty Cổ phần đầu tư V được xác định là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu hoàn toàn của tư nhân và hoạt động vì mục đích thương mại. Công ty Cổ phần đầu tư V đầu tư xây dựng Khu phức hợp cao tầng văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ tại vị trí khu đất thu hồi của hộ ông T, bà T để bán lại với giá kinh doanh nên phải bồi thường cho ông T, bà T theo giá thỏa thuận là đúng với mục đích thu hồi đất và quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật đất đai năm 2003, nay là Điều 73 Luật đất đai năm 2013.

- Về thời điểm bồi thường: Dự án nêu trên được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi theo Quyết định số 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2003 và được Ủy ban nhân dân quận B công bố phương án bồi thường vào năm 2009. Đến năm 2013, Ủy ban nhân dân quận B mới ban hành Quyết định 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà 30/1A N, Phường 22, quận B của ông T, bà T và các quyết định bổ sung: Quyết định 5663/2014/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; Quyết định số 9718/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014; Quyết định số 9535/2017/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 và Quyết định số 2897/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận B lại bồi thường và áp giá bồi thường theo phương án năm 2009 trong khi giá đất năm 2013 cao hơn

là không đúng quy định tại điểm a khoản 12 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà T. Do đó, kháng cáo yêu cầu được áp giá đất bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường (năm 2013) của ông T, bà T là có căn cứ chấp nhận.

- Về tái định cư: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có yêu cầu được thỏa thuận với Ủy ban nhân dân quận B và Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời, người bị kiện cũng có ý kiến yêu cầu được thỏa thuận lại việc tái định cư với người khởi kiện. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của các đương sự về phần này. Do đó, đối với phần kháng cáo yêu cầu về tái định cư của ông T, bà T sẽ tiếp tục được thực hiện theo thỏa thuận của các đương sự.

- Đối với việc ông Đào Trọng Tuấn đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 9171/2016/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất, áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất của ông T, bà T. Xét thấy yêu cầu này đã quá thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu (đơn kháng cáo ngày 07/6/2018, ông T và bà T chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 5761/2013/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B). Do vậy, không có cơ sở xem xét nội dung kháng cáo này của người khởi kiện.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T về việc yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 5761/2013/QĐ-UBND ngày 05/6/2013; Hủy Quyết định số 5663/2014/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; Hủy Quyết định số 9535/2017/QĐ-UBND ngày 28/11/2017; Hủy Quyết định số 546/2015/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Ủy ban nhân dân quận B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các T liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt; Công ty Cổ phần Đầu tư V đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 255 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định.

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B và các quyết định sửa đổi bổ sung bao gồm: Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014; Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 và Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B của hộ ông Nguyễn Văn T, là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Mặc dù ông T và bà T không khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông T, bà T nhưng Hội đồng xét xử vẫn cần phải xem xét tính hợp pháp của các quyết định giải quyết khiếu nại này theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 05/8/2016, ông T và bà T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

- *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 07/6/2018, ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T kháng cáo một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 682/2018/HCST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành.

Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B và các quyết định bổ sung bao gồm: Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014; Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 và Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 09/5/2018, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003, Điều 56, 57, 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông T, bà T được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Xét các nội dung kháng cáo của ông T và bà T

[2.2.1] Về yêu cầu được áp giá đất bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường (năm 2013).

- *Xét mục đích thu hồi đất*: Ngày 18/6/2003, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2720/QĐ-UB về việc thu hồi đất và giao cho Công ty Thanh niên Xung Phong diện tích 13.070m² tại phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng Khu nhà ở cao tầng lô 13-14 (giai đoạn II), trong đó có phần diện tích nhà, đất của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T. Tại thời điểm này Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định phần đất trên bị thu hồi để tiến hành xây dựng công trình, thực hiện dự án chỉnh trang đô thị do Công ty Thanh niên Xung Phong đại diện Nhà nước là chủ thể bồi thường, hỗ trợ theo quy định là đúng.

Tuy nhiên, đến ngày 02/4/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1365/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2720/QĐ-UB nêu trên với nội dung: “*Giao phần diện tích đất thu hồi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn nông sản V (nay là Công ty Cổ phần đầu tư V) để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất*”. Ngoài ra, tại Quyết định số 1365/QĐ-UBND nêu trên còn có nội dung: “*Công ty Trách nhiệm hữu hạn nông sản V: Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận B thực hiện hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất theo quy định*”.

Đồng thời, ngày 30/9/2010, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6111/QĐ-UBND-QTĐT về đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu phức hợp cao tầng văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ của Công ty Cổ phần đầu tư V với nội dung: “*Trên cơ sở nội dung trên và bản vẽ được duyệt đính kèm, Công ty Cổ phần đầu tư V tổ chức thực hiện tốt công tác đền bù giải tỏa, tái định cư, tiếp tục hoàn tất thủ tục sử dụng đất và xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành*”.

Như vậy, sau khi thay đổi chủ đầu tư khu đất trên thì Công ty Cổ phần Đầu tư V được xác định là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu hoàn toàn của tư nhân và hoạt động vì mục đích thương mại. Công ty Cổ phần Đầu tư V đầu tư xây dựng Khu phức hợp cao tầng văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ tại vị trí khu đất thu hồi của hộ ông T, bà T để bán lại với giá kinh doanh nên phải bồi thường cho ông T, bà T theo giá thỏa thuận là đúng với mục đích thu hồi đất và theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật đất đai năm 2003, nay là Điều 73 Luật đất đai năm 2013.

- *Xét về thời điểm bồi thường*: Dự án nêu trên được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi đất theo Quyết định số 2720/QĐ-UB ngày 18/6/2003 và được Ủy ban nhân dân quận B công bố phương án bồi thường vào năm 2009. Đến năm 2013, Ủy ban nhân dân quận B mới ban hành Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B của ông T, bà T và các quyết định bổ sung bao gồm: Quyết định số 5663/QĐ-

UBND ngày 12/8/2014; Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/12/2014; Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 và Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 09/5/2018. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận B lại bồi thường và áp giá bồi thường theo phương án năm 2009 trong khi giá đất năm 2013 cao hơn, là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà T.

Do đó, kháng cáo yêu cầu được áp giá đất bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường (năm 2013) của ông T, bà T là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2.2] Về tái định cư:

Ông T và bà T khiếu nại việc Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 5761/QĐ-UBND giải quyết tái định cư cho ông tại căn hộ số B1-10.10, tầng 10 chung cư T, Phường 17, quận B nhưng sau đó, trước khi cưỡng chế thu hồi đất thì Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần đầu tư V đã chuyển nhượng căn hộ trên cho người khác là trái quy định của pháp luật. Mặc dù sau đó, ngày 09/5/2018, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND điều chỉnh Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/8/2014, theo đó bố trí cho ông T, bà T được giải quyết mua 01 căn hộ số B1-10.14, tầng 10 tại chung cư T nhưng chưa thỏa thuận và chưa được sự đồng ý của ông T, bà T.

Mặt khác, đơn vị chủ đầu tư lại bán lô tái định cư này cho ông T, bà T với giá kinh doanh như những hộ dân khác không bị giải tỏa là không đảm bảo quyền lợi cho ông T, bà T. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng thừa nhận về việc thay đổi vị trí căn hộ tái định cư so với quy định đã ban hành trước đây mà chưa có ý kiến thống nhất của ông T, bà T là chưa đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có yêu cầu được thỏa thuận với Ủy ban nhân dân quận B và ban bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời người bị kiện cũng có ý kiến yêu cầu được thỏa thuận lại việc tái định cư với người khởi kiện. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của các đương sự về phần này. Do đó, đối với phần kháng cáo yêu cầu về tái định cư của ông T, bà T sẽ tiếp tục được thực hiện theo thỏa thuận của các bên đương sự.

[2.2.2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 9171/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất, áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất của ông T, bà T.

Tại Đơn kháng cáo ngày 07/6/2018, ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B: Buộc Ủy ban nhân dân quận B xem xét tính lại giá đất tại thời điểm có quyết định bồi thường và áp dụng hình thức tái định cư theo phương án số 85/PA-UBND. Tại phiên tòa, ông Đào Trọng Tuấn đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, bổ sung thêm yêu

cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 9171/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này không phù hợp với quy định của pháp luật vì đã quá thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nội dung kháng cáo này của người khởi kiện.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Ủy ban nhân dân quận B phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[3.2] Ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T về việc yêu cầu:

1.1 Hủy một phần Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 30/1A đường N, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Thị T phần liên quan đến áp giá đất bồi thường và tái định cư.

1.2. Hủy Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận B phần liên quan đến áp giá đất bồi thường.

1.3. Hủy Quyết định số 9535/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 5663/QĐ-UBND ngày 12/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận B phần liên quan đến áp giá đất bồi thường và tái định cư.

1.4. Hủy Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông T, bà T phần liên quan đến áp giá đất bồi thường.

Buộc Ủy ban nhân dân quận B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

[2.1] Ủy ban nhân dân quận B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[2.2] Ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị T 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do ông Đào Trọng Tuấn nộp thay theo biên lai thu số 0031149 ngày 22/9/2016 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mỗi người (ông T, bà T) đã nộp theo các biên lai thu số 0044862 và 0044863 ngày 18/6/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh(1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh(1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh(1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh(1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(1);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),13b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh

